BỘ NGOẠI GIAO

BỘ NGOẠI GIAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 12/2015/TB-LPQT

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2015

THÔNG BÁO
Về việc điều ước quốc tế có hiệu lực

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 47 của Luật Ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế năm 2005, Bộ Ngoại giao trân trọng thông báo:

Hiệp định về hợp tác và trợ giúp lẫn nhau trong các vấn đề về hải quan giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Ấn Độ ký tại Hà Nội ngày 15 tháng 9 năm 2014, sẽ có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2015.

Bộ Ngoại giao trân trọng gửi Bản sao Hiệp định theo quy định tại Điều 68 của Luật nêu trên./.

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG
VỤ LUẬT PHÁP VÀ ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ
PHÓ VỤ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Ngự

HIỆP ĐỊNH
GIỮA
CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ
CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA ẤN ĐỘ
VỀ
HỢP TÁC VÀ TRỢ GIÚP LẪN NHAU TRONG CÁC VẤN ĐỀ VỀ HẢI QUAN

Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Cộng hòa Ấn Độ (sau đây gọi riêng là "Bên ký kết" và gọi chung là "các Bên ký kết");

Nhận thấy hành vi vi phạm pháp luật hải quan gây thiệt hại đến lợi ích kinh tế, thương mại, tài chính, xã hội, y tế, môi trường và văn hóa của hai nước;

Nhận thức về tầm quan trọng của việc đảm bảo đánh giá và thu chính xác thuế hải quan, thuế và các loại phí và lệ phí về nhập khẩu / xuất khẩu hàng hoá cũng như việc thực hiện đúng pháp luật hải quan liên quan đến việc cấm, hạn chế và các biện pháp chính sách thương mại khác;

Lo ngại về xu hướng buôn bán trái phép các chất ma túy và chất hướng thần, xét thấy rằng các chất này gây nguy hại đến sức khỏe cộng đồng và xã hội;

Tin tưởng rằng các hành động thực thi chống lại các vi phạm về hải quan có thể được thực hiện hiệu quả hơn bằng cách hợp tác chặt chẽ giữa các cơ quan hải quan của các Bên ký kết;

Mong muốn thúc đẩy các thủ tục hiện đại, hiệu quả và minh bạch để giảm chi phí và tạo điều kiện thuận lợi cho thương mại hợp pháp giữa hai nước;

Nhận thức về tầm quan trọng của việc xây dựng năng lực và nhu cầu xây dựng các hoạt động đào tạo một cách khoa học;

Thừa nhận sự cần thiết về hợp tác quốc tế trong các vấn đề liên quan đến việc áp dụng và thực thi pháp luật hải quan; và

Quan tâm đến các công ước quốc tế liên quan cũng như các khuyến nghị của Tổ chức Hải quan Thế giới về việc khuyến khích giúp đỡ lẫn nhau;

Đã thoả thuận như sau:

CHƯƠNG I

Điều 1

Định nghĩa

Trong Hiệp định này, các thuật ngữ sau có nghĩa là:

(a) "Cơ quan Hải quan": đối với Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Tổng cục Hải quan và đối với nước Cộng hòa Ấn Độ là Hội đồng Trung ương về Thuế gián thu và Hải quan;

(b) "Thuế hải quan": là tất cả các loại thuế hải quan, thuế, lệ phí hay bất kỳ khoản phí khác được áp dụng, hoặc có liên quan đến việc nhập khẩu hoặc xuất khẩu hàng hoá, trong các vùng lãnh thổ của các Bên ký kết trong việc áp dụng pháp luật hải quan, nhưng không bao gồm phí và lệ phí cho các dịch vụ được cung cấp;

(c) "Pháp luật hải quan": là các quy phạm pháp luật, quy định pháp lý và quy định hành chính có thể áp dụng hoặc thực thi bởi cơ quan hải quan liên quan đến việc nhập khẩu, xuất khẩu, chuyển tải, quá cảnh, lưu kho và vận chuyển hàng hóa, bao gồm cả các quy phạm pháp luật và quy định hành chính liên quan đến các biện pháp cấm, hạn chế và kiểm soát;

(d) "Vi phạm hải quan": là bất kỳ vi phạm hoặc cố ý vi phạm pháp luật hải quan;

(e) "Thông tin": là bất kỳ dữ liệu nào cho dù đã được xử lý, chưa được xử lý hay phân tích và các tài liệu, báo cáo và các trao đổi thông tin khác dưới bất kỳ định dạng nào, bao gồm cả bản sao điện tử, hoặc có xác nhận hoặc được chứng thực;

(f) "Chất ma túy": là bất kỳ chất có nguồn gốc tự nhiên hoặc tổng hợp nào được liệt kê tại Danh mục I và II của Công ước thống nhất về các chất ma túy năm 1961 (với những sửa đổi có liên quan);

(g) "Cá nhân": là cả thể nhân và pháp nhân, trừ khi có quy định khác;

(h) "Dữ liệu cá nhân": là bất kỳ dữ liệu nào liên quan đến một cá nhân được nhận dạng hoặc có thể nhận dạng;

(i) "Tiền chất": là các hóa chất được kiểm soát sử dụng trong việc sản xuất các chất ma túy và chất hướng thần, được liệt kê trong Danh mục I và II của Công ước Liên Hợp Quốc năm 1988 về chống Vận chuyển bất hợp pháp các chất ma túy và chất hướng thần;

(j) "Chất hướng thần": là bất kỳ chất có nguồn gốc tự nhiên hoặc tổng hợp nào được liệt kê tại Danh mục I, II, III và IV của Công ước Liên Hợp Quốc về các chất hướng thần năm 1971;

(k) "Cơ quan hải quan yêu cầu": là Cơ quan hải quan đưa ra yêu cầu hỗ trợ;

(l) "Cơ quan hải quan được yêu cầu": là Cơ quan Hải quan nhận được yêu cầu hỗ trợ.

Chương II

Điều 2

Phạm vi của Hiệp định

1. Các cơ quan Hải quan của các Bên ký kết đồng ý tăng cường, thúc đẩy và phát triển hợp tác và hỗ trợ lẫn nhau trong các vấn đề liên quan đến Hải quan giữa hai bên và tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau.

2. Các Bên ký kết sẽ thông qua các cơ quan hải quan cung cấp sự hỗ trợ lẫn nhau theo các điều khoản quy định trong Hiệp định này:

(a) nhằm điều tra, phòng ngừa và chống các vi phạm Hải quan để áp dụng đúng đắn pháp luật về hải quan; và

(b) nhằm tạo thuận lợi cho thương mại hợp pháp.

3. Sự hỗ trợ lẫn nhau theo Hiệp định này sẽ được cung cấp theo quy định của pháp luật hiện hành trên lãnh thổ của Nhà nước của Cơ quan Hải quan được yêu cầu và trong phạm vi thẩm quyền và nguồn lực của cơ quan hải quan đó.

4. Hiệp định này sẽ không ảnh hưởng đến bất kỳ hiệp định tương trợ pháp lý lẫn nhau nào giữa các Bên ký kết, những hiệp định đó có thể được kí kết trước đó hoặc sẽ được kí kết sau khi Hiệp định này có hiệu lực.

5. Các quy định của Hiệp định này không làm phát sinh quyền trên một phần của bất kỳ cá nhân nào để có được, ngăn chặn hoặc loại trừ bất kỳ bằng chứng nào hoặc gây cản trở việc thực hiện một yêu cầu hỗ trợ.

6. Hiệp định này sẽ được áp dụng trong vùng lãnh thổ của các Bên ký kết.

Điều 3

Phạm vi trợ giúp chung

1. Các cơ quan Hải quan sẽ cung cấp cho nhau, hoặc theo yêu cầu hoặc theo sáng kiến riêng của họ, các thông tin nhằm đảm bảo việc áp dụng đúng pháp luật hải quan và ngăn ngừa, điều tra, truy tố và đấu tranh chống vi phạm hải quan liên quan đến việc vận chuyển hàng hóa và hành khách giữa các Bên ký kết.

2. Theo yêu cầu, cơ quan hải quan được yêu cầu sẽ cung cấp tất cả các thông tin về pháp luật và thủ tục Hải quan có thể áp dụng tại Bên ký kết đó và phù hợp với các yêu cầu liên quan đến vi phạm Hải quan.

3. Cơ quan hải quan một bên sẽ thông báo hoặc theo yêu cầu hoặc theo sáng kiến riêng, bất kỳ thông tin sẵn có nào liên quan đến:

(a) kỹ thuật thực thi pháp luật hải quan mới đã được chứng minh là có hiệu quả;

(b) các xu hướng, phương tiện và cách thức vi phạm hải quan;

(c) bất kỳ dữ liệu nào khác có thể hỗ trợ các cơ quan Hải quan đánh giá rủi ro nhằm mục đích kiểm soát và tạo thuận lợi;

(d) việc nhập cảnh và xuất cảnh từ lãnh thổ của một số cá nhân cụ thể những người được cho là hoặc bị nghi ngờ là vi phạm pháp luật hải quan được thực thi bởi cơ quan hải quan yêu cầu.

4. Theo yêu cầu, cơ quan Hải quan được yêu cầu sẽ phải cung cấp cho cơ quan Hải quan yêu cầu bất kỳ thông tin sẵn có theo quy định của Pháp luật quốc gia của cơ quan Hải quan được yêu cầu:

(a) có trong các hồ sơ Hải quan liên quan đến vận chuyển hàng hóa giữa các Bên ký kết, bị nghi ngờ là trái với pháp luật hải quan của Cơ quan Hải quan yêu cầu;

(b) giúp cho việc phát hiện việc gian lận trong khai báo, đặc biệt đối với Trị giá hải quan;

(c) liên quan đến chứng nhận xuất xứ, hóa đơn, hoặc các tài liệu khác, được cho là hoặc nghi ngờ là giả; và

(d) liên quan đến tính xác thực của bất kỳ tài liệu nào được phát hành để hỗ trợ khai với các cơ quan có thẩm quyền của cơ quan Hải quan yêu cầu.

5. Các cơ quan Hải quan của các Bên ký kết sẽ hợp tác về:

(a) thiết lập và duy trì các kênh liên lạc để tạo thuận lợi cho việc trao đổi thông tin an toàn và nhanh chóng;

(b) tạo thuận lợi cho việc phối hợp hiệu quả;

(c) nghiên cứu, phát triển và áp dụng các thủ tục hải quan mới;

(d) đào tạo và trao đổi nhân sự để tăng cường lợi ích của hai bên;

(e) xem xét và thử nghiệm các thiết bị hoặc thủ tục mới; và

(f) bất kỳ các vấn đề nào khác mà hai bên cùng quan tâm có thể theo từng thời điểm yêu cầu có hành động phối hợp chung.

6. Các cơ quan hải quan của các Bên ký kết, trong phạm vi có thể, sẽ hợp tác và trao đổi thông tin trong việc thực thi pháp luật để chống lại việc vận chuyển trái phép các chất ma túy, chất hướng thần, tiền chất và các hàng hóa bị cấm khác.

Chương III

Điều 4

Thông tin đối với việc áp dụng và thực thi pháp luật hải quan

1. Cơ quan Hải quan được yêu cầu, nếu có yêu cầu đặc biệt từ cơ quan Hải quan khác, sẽ cung cấp thông tin về:

(a) liệu hàng hóa đã nhập khẩu vào lãnh thổ của cơ quan Hải quan yêu cầu đã được xuất khẩu hợp pháp từ lãnh thổ của cơ quan Hải quan được yêu cầu chưa; và

(b) liệu hàng hóa xuất khẩu từ lãnh thổ của cơ quan Hải quan yêu cầu đã được nhập khẩu hợp pháp vào lãnh thổ của cơ quan Hải quan được yêu cầu chưa.

2. Cơ quan Hải quan được yêu cầu cũng sẽ phải cung cấp các chi tiết về thủ tục hải quan được áp dụng trong quá trình thông quan hải quan của hàng hoá.

3. Yêu cầu sẽ phải nêu cụ thể các thủ tục xác minh mà cơ quan Hải quan yêu cầu mong muốn cơ quan Hải quan được yêu cầu tiến hành và sẽ phải mô tả rõ các thông tin cụ thể được yêu cầu.

Điều 5

Giám sát và Thông tin

1. Theo yêu cầu, cơ quan Hải quan được yêu cầu, đến mức có thể, trong phạm vi lãnh thổ hải quan của mình, sẽ phải duy trì việc giám sát và cung cấp thông tin về:

(a) hàng hóa đang vận chuyển hoặc đang lưu kho, được cho là đã được sử dụng hoặc bị nghi ngờ được sử dụng để thực hiện vi phạm hải quan trong lãnh thổ của cơ quan hải quan yêu cầu;

(b) các phương tiện vận tải được cho là đã được sử dụng hoặc bị nghi ngờ được sử dụng để thực hiện vi phạm Hải quan trong lãnh thổ của cơ quan Hải quan yêu cầu;

(c) các cơ sở trong lãnh thổ của cơ quan Hải quan được yêu cầu được cho là đã được sử dụng hoặc bị nghi ngờ được sử dụng liên quan đến vi phạm hải quan trên lãnh thổ của cơ quan Hải quan yêu cầu; và

(d) một thể nhân hoặc pháp nhân, được cho là đã vi phạm hải quan hoặc bị nghi ngờ vi phạm hải quan trong lãnh thổ của cơ quan hải quan yêu cầu.

2. Kết quả của việc giám sát này sẽ được thông báo cho cơ quan Hải quan kia sớm nhất có thể.

Điều 6

Trao đổi thông tin

1. Các cơ quan hải quan sẽ cung cấp cho nhau, theo yêu cầu hoặc theo sáng kiến riêng của mình các thông tin về các giao dịch, hoặc các hành vi đã thực hiện hoặc có kế hoạch thực hiện, cấu thành hoặc sắp cấu thành một vi phạm Hải quan.

2. Trong những trường hợp nghiêm trọng có thể liên quan đến thiệt hại đáng kể cho nền kinh tế, y tế, an ninh công cộng hay lợi ích quan trọng khác của một Bên ký kết, cơ quan Hải quan của Bên ký kết kia, bất cứ khi nào có thể, cung cấp thông tin theo sáng kiến riêng của mình.

Chương IV

Điều 7

Xây dựng năng lực

1. Các cơ quan Hải quan của các Bên ký kết sẽ hợp tác với nhau trong các vấn đề hải quan bao gồm:

(a) việc trao đổi nhân viên hoặc các chuyên gia hải quan nhằm mục đích chung để thúc đẩy sự hiểu biết về các kỹ thuật Hải quan của nhau;

(b) việc trao đổi thông tin và kinh nghiệm trong việc sử dụng các thiết bị ngăn chặn và phát hiện;

(c) việc trao đổi dữ liệu chuyên ngành, khoa học và kỹ thuật liên quan đến pháp luật và thủ tục hải quan ;

(d) trao đổi thông tin để thúc đẩy hiện đại hóa, đơn giản hóa và hài hòa hóa thủ tục hải quan.

2. Cơ quan Hải quan của các Bên ký kết sẽ thực hiện hợp tác lẫn nhau trong các lĩnh vực nói trên thông qua các phương pháp sau đây, trong số những phương pháp khác:

(a) Trao đổi giảng viên, chuyên gia, và các học viên phù hợp với các phương thức và thời gian do các cơ quan hải quan quyết định; và

(b) Trao đổi và sử dụng một cách phù hợp các tài liệu đào tạo của nhau mà không ảnh hưởng đến quyền tác giả và các quyền liên quan của mỗi cơ quan Hải quan.

Chương V

Điều 8

Thuận lợi hoá thương mại

Các cơ quan Hải quan của các Bên ký kết sẽ nỗ lực để tạo thuận lợi cho thương mại và đồng ý rằng các nguyên tắc sau đây, cụ thể, là cơ sở để thiết lập, và quản lý các biện pháp tạo thuận lợi cho thương mại:

(a) minh bạch, hiệu quả, đơn giản hóa, hài hòa hóa và nhất quán các thủ tục thương mại;

(b) thúc đẩy các chuẩn mực quốc tế và sự phù hợp với các văn kiện đa phương được áp dụng;

(c) sử dụng công nghệ thông tin và các biện pháp kiểm soát dựa trên quản lý rủi ro;

(d) hợp tác tại mỗi Bên ký kết giữa cơ quan hải quan và các cơ quan biên giới khác; và

(e) tham vấn một cách phù hợp với các cộng đồng doanh nghiệp.

2. Mỗi Bên sẽ thông qua và duy trì các thủ tục hải quan đơn giản hóa để thông quan hiệu quả các hàng hóa do các nhà nhập khẩu hoặc đại lý được ủy quyền đã được chứng minh là đáng tin cậy khai báo.

3. Các Bên ký kết thống nhất nỗ lực nhằm giải phóng các phương tiện vận tải ngay lập tức.

Điều 9

Quản lý rủi ro

Mỗi Bên, trong phạm vi có thể, sẽ áp dụng các hệ thống quản lý rủi ro và tự động hóa nhằm phân tích rủi ro và xác định trọng điểm, giúp các cơ quan hải quan của bên đó tập trung vào các hoạt động kiểm tra có hiệu quả đối với những giao dịch

có rủi ro cao và tạo thuận lợi cho việc thông quan và vận chuyển hàng hóa hợp pháp.

Điều 10

Minh bạch

Mỗi Bên sẽ đảm bảo rằng pháp luật hải quan và các luật và quy định pháp lý có liên quan đến thương mại khác, các thủ tục hành chính chung và các yêu cầu khác đều có sẵn cho tất cả các bên quan tâm bao gồm hình thức điện tử.

Điều 11

Trị giá hải quan

Hiệp định WTO về việc Thực hiện Điều 7 của Hiệp định GATT 1994 sẽ điều chỉnh việc xác định trị giá hải quan được áp dụng đối với các giao dịch thương mại giữa các Bên ký kết.

Điều 12

Ra quyết định trước

Mỗi Bên sẽ nỗ lực để ban hành cơ chế ra quyết định trước về các vấn đề hải quan.

CHƯƠNG VI

Điều 13

Yêu cầu hỗ trợ

1. Cơ quan Hải quan của một Bên ký kết, nếu được yêu cầu bởi Cơ quan Hải quan Bên kia, sẽ cung cấp các hồ sơ Hải quan, chứng từ vận chuyển, các biên bản về bằng chứng, hoặc các bản sao được xác nhận, đưa ra thông tin về các hành động, đã thực hiện hoặc có kế hoạch thực hiện, mà cấu thành hoặc có dấu hiệu cấu thành một vi phạm hải quan tại lãnh thổ của cơ quan Hải quan Bên ký kết kia.

2. Thông tin cung cấp cho Bên ký kết kia có thể được chuyển qua các phương tiện điện tử thay cho các tài liệu được quy định theo Hiệp định này. Thông tin

cung cấp phải có nội dung giải thích cần thiết cho việc hiểu và sử dụng thông tin đó.

3. Bất cứ thông tin nào được trao đổi theo Hiệp định này sẽ được kèm theo tất cả thông tin cần thiết cho việc giải thích hoặc sử dụng thông tin đó.

ĐIỀU 14

Trao đổi yêu cầu

1. Các yêu cầu hỗ trợ theo Hiệp định này sẽ được trao đổi trực tiếp giữa các cơ quan Hải quan của Hai Bên. Mỗi cơ quan Hải quan sẽ chỉ định đầu mối liên lạc cho mục đích này và từ đó sẽ cung cấp chi tiết cho cơ quan Hải quan của Bên kia. Bất cứ thay đổi nào về đầu mối liên lạc đã được chỉ định sẽ được thông báo nhanh chóng.

2. Các yêu cầu hỗ trợ theo Hiệp định này sẽ bằng văn bản, bằng điện tử hoặc bằng lời, nếu trong trường hợp khẩn cấp và sẽ được gửi kèm theo bất cứ thông tin nào được cho là hữu ích cho mục đích thực hiện các yêu cầu đó. Cơ quan Hải quan được yêu cầu có thể yêu cầu văn bản khẳng định lại những yêu cầu gửi qua các phương tiện điện tử. Những yêu cầu bằng lời sẽ vẫn được đáp ứng và phải có văn bản khẳng định lại trong vòng ba mươi ngày làm việc.

3. Các yêu cầu sẽ được làm bằng tiếng Anh. Bất cứ tài liệu nào không bằng tiếng Anh đính kèm các yêu cầu trên sẽ được dịch sang tiếng Anh (ở mức cần thiết).

4. Các yêu cầu được đưa ra theo mục 2 Điều này sẽ bao gồm các thông tin chi tiết sau:

(a) Tên của đơn vị liên quan của Cơ quan Hải quan yêu cầu;

(b) Bản chất của hỗ trợ được yêu cầu và các lý do yêu cầu;

(c) Mô tả tóm tắt vụ việc đang được xem xét và các quy định luật pháp và hành chính liên quan;

(d) Tên và địa chỉ của những người có liên quan đến yêu cầu, nếu biết; và

(e) Bất cứ thông tin nào khác có thể hỗ trợ việc thực hiện yêu cầu.

5. Trường hợp Cơ quan Hải quan yêu cầu yêu cầu thực hiện một thủ tục hoặc một phương pháp cụ thể, thì phải nêu rõ lý do cho những yêu cầu cụ thể đó. Trong các trường hợp đó, Cơ quan Hải quan được yêu cầu có thể tuân thủ yêu cầu đó, phù hợp với các quy định pháp luật và các quy định hành chính.

6. Cơ quan Hải quan được yêu cầu sẽ nỗ lực cung cấp thông tin cho Cơ quan Hải quan yêu cầu sớm nhất, tốt nhất là trong vòng sáu tháng kể từ khi nhận được yêu cầu.

7. Nếu Cơ quan Hải quan được yêu cầu không có thông tin yêu cầu, thì phù hợp với và trong phạm vi luật pháp quốc gia và các quy định hành chính của Bên ký kết đó, hoặc:

(a) Tiến hành các cuộc xác minh để thu thập thông tin đó;
(b) Nhanh chóng chuyển yêu cầu đó tới cơ quan thích hợp; hoặc
(c) Chỉ ra những cơ quan có liên quan.

8. Bất kỳ yêu cầu nào theo Khoản 7 của Điều này có thể bao gồm các ghi chép về phát ngôn của những người mà từ đó thông tin được tìm ra liên quan tới vi phạm Hải quan và của những nhân chứng và chuyên gia có liên quan.

9. Không tính tới các thủ tục đã được quy định tại Khoản 7 của Điều này, trong trường hợp Cơ quan Hải quan được yêu cầu không thể cung cấp thông tin hay tài liệu được yêu cầu cho Cơ quan Hải quan yêu cầu, Cơ quan Hải quan được yêu cầu sẽ phải thông báo cho Cơ quan Hải quan yêu cầu về lý do không thể cung cấp thông tin.

Điều 15

Sự hiện diện của công chức trong lãnh thổ của Bên ký kết kia

1. Theo yêu cầu, các công chức được chỉ định đặc biệt bởi Cơ quan Hải quan yêu cầu, với sự chấp thuận của Cơ quan Hải quan được yêu cầu, phù hợp với pháp luật của nước của cơ quan Hải quan được yêu cầu và phụ thuộc vào các điều kiện mà Cơ quan Hải quan được yêu cầu đưa ra, nhằm mục đích điều tra vi phạm Hải quan:

(a) kiểm tra các tài liệu và bất cứ thông tin khác liên quan đến các vi phạm Hải quan tại các trụ sở của Cơ quan Hải quan được yêu cầu và được cung cấp các bản sao của các tài liệu và thông tin đó;
(b) hiện diện trong bất kỳ cuộc xác minh nào do Cơ quan Hải quan được yêu cầu tiến hành tại nước của Cơ quan Hải quan được yêu cầu có liên quan đến

Cơ quan hải quan yêu cầu. Các công chức đại diện này sẽ chỉ có vai trò tư vấn.

2. Khi công chức của Cơ quan Hải quan yêu cầu có mặt ở nước của Cơ quan Hải quan kia trong những trường hợp được quy định ở khoản 1b của điều này, họ phải chứng minh nhận diện chính thức của mình bất cứ lúc nào.

3. Khi ở trên lãnh thổ của Cơ quan Hải quan kia theo các điều khoản của Hiệp định này, các công chức sẽ có trách nhiệm về bất cứ vi phạm nào mà họ gây ra và sẽ được bảo vệ giống như công chức Hải quan của nước sở tại trong phạm vi quy định của luật pháp quốc gia nước sở tại.

Điều 16

Bảo mật thông tin

1. Bất cứ thông tin hay tài liệu nào nhận được theo Hiệp định này sẽ được sử dụng hợp pháp trong các thủ tục và trong các cuộc xác minh theo pháp luật Hải quan. Tuy nhiên, các thông tin và tài liệu này sẽ không được sử dụng cho các mục đích khác ngoài các mục đích được quy định trong Hiệp định này, trừ khi đã nhận được sự đồng ý bằng văn bản của Cơ quan Hải quan được yêu cầu.

2. Tất cả thông tin trao đổi, dưới bất kỳ hình thức nào, giữa các Cơ quan Hải quan theo Hiệp định này, sẽ được coi là thông tin mật và thông tin đó sẽ được bảo mật giống như những thông tin và tài liệu của Cơ quan Hải quan yêu cầu phù hợp với pháp luật của Bên ký kết của cơ quan Hải quan yêu cầu.

3. Khi các dữ liệu cá nhân được trao đổi theo Hiệp định này, Cơ quan Hải quan của mỗi Bên ký kết sẽ đảm bảo rằng những dữ liệu đó chỉ được sử dụng cho những mục đích đã được xác định rõ và cũng sẽ đảm bảo tiêu chuẩn bảo vệ dữ liệu phù hợp với luật pháp quốc gia.

Điều 17

Các trường hợp từ chối hỗ trợ

1. Nếu Cơ quan Hải quan được yêu cầu cho rằng việc thực hiện yêu cầu này sẽ gây phương hại đến chủ quyền, an ninh hoặc những lợi ích quốc gia quan trọng khác, thì Cơ quan Hải quan được yêu cầu có thể từ chối hỗ trợ toàn bộ hoặc một phần, hoặc đưa ra hỗ trợ kèm theo một số điều kiện hay yêu cầu cụ thể.

2. Trường hợp Cơ quan Hải quan yêu cầu hỗ trợ nhưng bản thân họ không đáp ứng được một yêu cầu tương tự từ Cơ quan Hải quan kia thì sẽ phải đề cập đến điều đó trong yêu cầu của mình. Cơ quan Hải quan được yêu cầu có toàn quyền quyết định có đáp ứng yêu cầu đó hay không.

3. Nếu yêu cầu hỗ trợ bị từ chối, thì phải nhanh chóng thông báo bằng văn bản lý do từ chối cho Cơ quan yêu cầu.

Điều 18

Các Thỏa thuận về Tài chính

1. Mỗi cơ quan Hải quan sẽ không yêu cầu bồi hoàn các chi phí phát sinh trong quá trình thực hiện Hiệp định này, ngoại trừ các khoản chi phí đã được thống nhất cho chuyên gia, phiên dịch viên và biên dịch viên mà không phải là nhân viên Chính phủ, mà Cơ quan Hải quan yêu cầu chi trả.

2. Nếu việc thực hiện yêu cầu phát sinh những chi phí bất thường thì các cơ quan sẽ tham khảo ý kiến để quyết định các điều khoản và điều kiện mà theo đó yêu cầu sẽ được thực hiện cũng như quy định cách thức các chi phí được chi trả.

CHƯƠNG VII

Điều 19

Ủy ban chung về hợp tác hải quan

1. Một Ủy ban chung về hợp tác hải quan sẽ được các cơ quan Hải quan của các Bên ký kết thành lập với số lượng cán bộ được chỉ định bằng nhau. Ủy ban sẽ họp tại địa điểm, thời gian và với chương trình đã được thống nhất trước bởi các Cơ quan Hải quan.

2. Ủy ban chung về hợp tác hải quan, ngoài những nhiệm vụ khác, sẽ:

a. giám sát thực hiện đúng Hiệp định này;

b. kiểm tra tất cả các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Hiệp định này;

c. thực thi các biện pháp cần thiết cho việc hợp tác Hải quan phù hợp với các mục tiêu của Hiệp định này;

d. trao đổi quan điểm về các vấn đề quan tâm chung liên quan đến hợp tác hải quan, bao gồm các biện pháp trong tương lai và nguồn lực thực hiện;

e. đề xuất giải pháp nhằm đạt được các mục tiêu của Hiệp định này.

3. Ủy ban chung về hợp tác hải quan sẽ thông qua quy chế làm việc của Ủy ban.

Điều 20

Giải quyết tranh chấp

1. Tất cả các tranh chấp liên quan đến việc giải thích và thực hiện Hiệp định này sẽ được giải quyết thông qua thương lượng giữa các Bên ký kết.

2. Những tranh chấp hay những khó khăn chưa được giải quyết sẽ được giải quyết bằng các biện pháp ngoại giao.

Điều 21

Sửa đổi và bổ sung

Những sửa đổi và bổ sung của Hiệp định này sẽ được các Bên ký kết thông qua và sẽ có hiệu lực theo quy định tại Điều 22.

Điều 22

Hiệu lực và thời hạn của Hiệp định

1. Hiệp định này sẽ có hiệu lực từ ngày đầu tiên của tháng thứ hai sau khi các Bên ký kết đã thông báo cho nhau bằng văn bản, qua đường ngoại giao về việc hoàn tất các thủ tục trong nước để Hiệp định này có hiệu lực.

2. Hiệp định này có hiệu lực vô thời hạn và sẽ chấm dứt hiệu lực trừ khi một Bên ký kết đưa ra thông báo bằng văn bản trước 03 tháng về ý định chấm dứt Hiệp định này. Việc chấm dứt Hiệp định sẽ có hiệu lực sau 3 tháng kể từ ngày có thông báo đó.

3. Ngoài ra, mỗi Bên ký kết bảo lưu quyền tạm thời hoãn toàn bộ hoặc một phần việc thực hiện Hiệp định này, vì các lý do an ninh và lợi ích quốc gia, trật tự công cộng hoặc sức khỏe cộng đồng. Việc tạm ngừng sẽ có hiệu lực sau một tháng kể từ ngày có thông báo tới Bên ký kết kia qua đường ngoại giao.

4. Việc chấm dứt hay tạm ngừng thực hiện Hiệp định này sẽ không ảnh hưởng đến các hoạt động hợp tác đang được thực hiện theo thỏa thuận trước ngày chấm dứt hay tạm ngừng. Các Bên ký kết chấp nhận rằng các quy định của Hiệp định này liên quan đến sự bảo mật, sử dụng và công bố thông tin nhận được hoặc cung cấp sẽ tiếp tục có hiệu lực vô thời hạn mặc dù đã chấm dứt Hiệp định.

ĐỂ LÀM BẰNG, những người ký dưới đây được ủy quyền đầy đủ của Chính phủ nước họ, đã ký Hiệp định này.

Làm tại Hà Nội, ngày mười lăm tháng chín năm 2014, thành hai bản gốc, mỗi bản bằng tiếng Việt, tiếng Hin-đi và tiếng Anh, các văn bản có giá trị như nhau. Trong trường hợp có sự giải thích khác nhau về các điều khoản của Hiệp định này thì văn bản tiếng Anh sẽ được dùng làm cơ sở để đối chiếu.

THAY MẶT	**THAY MẶT**
CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	**CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA ẤN ĐỘ**
TRƯƠNG CHÍ TRUNG	**J.M. SANTI SUNDHARAM**
THỨ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH	**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TRUNG ƯƠNG VỀ THUẾ VÀ HẢI QUAN**

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng